

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2025

Về việc: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXX-ST ngày 16/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn xx, xã N, huyện G, Hà Nội. (Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; Nơi ĐKNKTT: Thôn xx, xã N, huyện G, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Căn hộ xx Times City, M, quận H, Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 25/3/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/12/1993 tại UBND xã N, huyện G, Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm tính cách không hợp. Từ năm 2007 chị Đ đã chuyển ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vợ chồng không còn tình cảm và sống ly thân từ 18 năm nay nhưng vì do con cái còn chưa trưởng thành nên anh chưa muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi, đã khôn lớn trưởng thành và đã lập gia đình riêng. Anh thấy mâu thuẫn, bất

đồng giữa anh và chị Đ đã kéo dài và không thể hàn gắn được nên anh làm đơn xin được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 18/10/1994, cháu Nguyễn Hải A1, sinh ngày 01/11/ 1996 và cháu Nguyễn Đức A2, sinh ngày 16/11/2006. Hiện cả 3 con chung đều đủ 18 tuổi, trưởng thành khoẻ mạnh nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Tuấn A có đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các ý kiến quan điểm anh đã trình bày trong quá trình giải quyết để xét xử vụ án vắng mặt anh.

2. Bị đơn- chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà... nhưng chị Đ không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật. Tòa án không thu thập được ý kiến quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A có đơn xin vắng mặt và vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn- chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, không chấp hành việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 63, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của anh Nguyễn Tuấn A, cho anh Nguyễn Tuấn A được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ. Do các con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành khoẻ mạnh nên không xét. Do vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung nên không xét. Anh Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; Nơi ĐKNKTT: Thôn xx, xã N, huyện G, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Căn hộ xx Times City, M, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn- anh Nguyễn Tuấn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn- chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng tại phiên tòa chị Đ vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Đ:

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 11/12/1993 của UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội xác định hôn nhân giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Đ là hợp pháp.

Xét lời khai của anh Tuấn A về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Qua xác minh đối với Tổ trưởng tổ dân phố nơi chị Đ sinh sống xác nhận từ khoảng năm 2015 chị Đ chuyển về sinh sống tại căn hộ xx T, M, quận H, Hà Nội nhưng sinh sống một mình không thấy có chồng con ở cùng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải mục đích để tiến hành hòa giải mục đích, phân tích nguyên nhân và hướng khắc phục mâu thuẫn cho hai bên. Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng chị Đ không đến Tòa thể hiện chị Đ không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh Tuấn A và chị Đ đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tuấn A, cho anh Nguyễn Tuấn A được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

[4]. Về con chung: Anh Tuấn A và chị Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 18/10/1994, cháu Nguyễn Hải A1, sinh ngày 01/11/ 1996 và cháu Nguyễn Đức A2, sinh ngày 16/11/2006. Xét thấy hiện cả 3 con chung đều đủ 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xét.

[5]. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 63, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tuấn A, cho anh Nguyễn Tuấn A được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Anh Tuấn A và chị Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 18/10/1994, cháu Nguyễn Hải A1, sinh ngày 01/11/ 1996 và cháu Nguyễn Đức A2, sinh ngày 16/11/2006. Xét thấy hiện cả 3 con chung đều đủ 18 tuổi, trưởng thành khoẻ mạnh, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không xét.

3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Anh Tuấn A và chị Diệp không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do anh Tuấn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng theo biên lai số 0024825 ngày 04/4/2025. Anh Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn- anh Nguyễn Tuấn A và bị đơn- chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án NDTP Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội (GCNKH số 72 ngày 11/12/1993);
- Dương sự ;
- Lưu HS-VP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Kim Oanh

